

LỮ CPA VIETNAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY
VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước và được chuyển đổi ngày 27/12/2013 từ Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 09/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ hai (02) ngày 27/12/2013 về việc chuyển đổi doanh nghiệp sang hoạt động Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 27/12/2013 là: 65.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **INDUSTRIAL MACHINERY AND INSTRUMENTS HOLDING JOINT STOCK COMPANY.**

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch
	Ông Trần Ngọc Hưng	Ủy viên
	Ông Hoàng Việt Hồng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên
Ban Kiểm soát	Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban
	Bà Đào Thị Hà Thúy	Thành viên
	Bà Dương Thị Hà Bích	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Minh	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, *lsg*



Nguyễn Đức Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Số: 105/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020
của Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, được lập ngày 10/3/2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.15 Vốn chủ sở hữu của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 65.000.000.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-BCT ngày 18/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Viện máy và dụng cụ công nghiệp, phần vốn nhà nước trong cơ cấu vốn điều lệ của Công ty hiện thiếu hụt số tiền: 27.490.246.962 đồng (trong tổng số 48,7 tỷ đồng vốn nhà nước góp tại Công ty). Công ty đã có văn bản đề nghị Bộ Công Thương điều chỉnh quy mô vốn và sẽ thực hiện khi có Văn bản trả lời của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.750.581.885	44.737.793.520
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.826.066.919	6.262.536.887
1. Tiền	111		1.776.066.919	1.862.536.887
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.050.000.000	4.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.494.491.274	18.727.185.360
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.174.608.226	31.319.217.665
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.513.289.142	2.129.701.626
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	54.492.174	317.456.474
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(15.247.898.268)	(15.039.190.405)
IV. Hàng tồn kho	140		16.312.492.880	19.536.078.496
1. Hàng tồn kho	141	5.5	16.312.492.880	19.536.078.496
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.530.812	211.992.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.530.812	172.168.799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	39.823.978
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.825.477.438	24.287.390.693
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.893.508.053	8.696.055.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	7.893.508.053	8.696.055.281
- Nguyên giá	222		59.038.636.502	58.975.936.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.145.128.449)	(50.279.881.221)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	5.7	1.761.104.441	1.761.104.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.761.104.441)	(1.761.104.441)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	14.719.606.555	14.719.606.555
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.500.000.000	5.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.523.100.895	2.523.100.895
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.696.505.660	6.696.505.660
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.212.362.830	871.728.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.212.362.830	871.728.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		65.576.059.323	69.025.184.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		26.115.629.212	30.257.169.739
I. Nợ ngắn hạn	310		20.571.714.855	24.146.763.973
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	12.800.158.356	16.300.492.554
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	5.821.414.226	2.298.489.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	271.378.205	1.086.550.604
4. Phải trả người lao động	314		417.618.000	816.234.976
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	91.444.071	77.016.597
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.043.165.090	3.193.443.335
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	198.500.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		126.536.907	176.036.907
II. Nợ dài hạn	330		5.543.914.357	6.110.405.766
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.543.914.357	6.110.405.766
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.460.430.111	38.768.014.474
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	39.624.188.851	38.762.309.474
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.509.753.038	37.509.753.038
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.509.753.038	37.509.753.038
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.867.324	1.216.867.324
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		897.568.489	35.689.112
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.689.112	(482.295.382)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		861.879.377	517.984.494
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(163.758.740)	5.705.000
1. Nguồn kinh phí	432		(163.758.740)	5.705.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.576.059.323	69.025.184.213
(440 = 300+400)				

Người lập



Lê Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Lê Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




 Nguyễn Đức Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	28.485.653.005	54.977.463.151
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	63.767.822	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	28.421.885.183	54.977.463.151
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	19.869.165.474	46.782.039.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.552.719.709	8.195.423.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	455.943.843	323.331.535
7. Chi phí tài chính	22	5.19	3.647.450	171.427.237
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	-	198.500.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	8.104.868.692	8.154.565.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		900.147.410	(5.737.324)
11. Thu nhập khác	31	5.21	87.446.898	2.016.384.752
12. Chi phí khác	32	5.21	25.000.002	1.186.884.650
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		62.446.896	829.500.102
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		962.594.306	823.762.778
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	100.714.929	305.778.284
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		861.879.377	517.984.494

Người lập



Lê Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Lê Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 03 - DN /TH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	37.133.094.694	92.093.737.146
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(29.569.055.426)	(69.800.432.573)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.749.716.401)	(7.865.891.052)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(228.778.284)	(923.649.180)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.257.210.663	1.758.078.357
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.283.624.604)	(9.272.802.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.559.130.642	5.989.040.106
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(114.752.000)	(31.875.455)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	327.623.343	189.199.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	212.871.343	(2.842.675.717)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	650.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(650.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.208.803.000)	(112.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.208.803.000)	(112.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(436.801.015)	3.033.664.389
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.262.536.887	3.229.203.187
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	331.047	(330.689)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.826.066.919	6.262.536.887

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lê Thúy Hằng

Lê Thúy Hằng

Nguyễn Đức Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN/TH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp tiền thân là doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước và được chuyển đổi ngày 27/12/2013 từ Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 09/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ hai (02) ngày 27/12/2013 về việc chuyển đổi doanh nghiệp sang hoạt động Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 27/12/2013 là: 65.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INDUSTRIAL MACHINERY AND INSTRUMENTS HOLDING JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2020: 60 người (năm 2019 là 70 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về cơ điện tử, bao gồm: Cơ điện tử trong ngành máy công cụ; cơ điện tử lĩnh vực đo lường và tự động hóa; cơ điện tử trong ngành thiết bị xây dựng; cơ điện tử lĩnh vực thiết bị y tế; cơ điện tử trong ngành thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, thiết kế, chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới trong công nghiệp; Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu (không gồm tư vấn lựa chọn nhà thầu, xác định giá gói thầu); Tư vấn việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hóa học, dược học, công nghệ và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát các thông số hoạt động công nghiệp như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, mức độ, độ dính, mật độ, axit, độ tập trung, sự luân phiên; công tơ, dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện từ; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hóa học và vật lý, độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất thiết bị điện khác; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Sản xuất máy công cụ và máy tạ hình kim loại; Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu như: Các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Hoạt động đại lý bán hàng hường hoa hồng về các loại hàng hóa như: Nông lâm sản nguyên dạng, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm, nhiên liệu, quặng, kim loại và hóa chất công nghiệp, phân bón; Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Gỗ xây dựng và nguyên vật liệu xây dựng; Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền; Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2020: hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất, kinh doanh, lắp đặt máy thiết bị công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có công ty con, liên doanh liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	Sản xuất và kinh doanh chuyên giao sản phẩm công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	Sản xuất và kinh doanh chuyên giao sản phẩm công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần 3B	Sản xuất và kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp	20%	20%
Các đơn vị phụ thuộc hạch toán phụ thuộc			
Trung tâm chuyển giao công nghệ			

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do vậy, số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

1.6. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh, môi trường hoạt động chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với năm 2019 thì doanh thu năm 2020 của Công ty giảm 48%. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định của Thủ tướng Chính phủ.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và Công ty sử dụng phần mềm Fast.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công ty đang giao dịch tại ngày 31/12/2020.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công ty đang giao dịch tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm tin học và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất, kinh doanh, lắp đặt máy thiết bị công nghiệp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	70.577.803	263.948.438
Trụ sở Viện	33.562.886	103.026.036
Trung tâm chuyên giao công nghệ	37.014.917	160.922.402
Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp	-	-
Tiền gửi ngân hàng	1.705.489.116	1.598.588.449
Tiền gửi VND		
Ngân hàng TMCổ phần Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	8.088.879	8.417.724
Ngân hàng TMCổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	1.556.096.955	1.425.473.504
Ngân hàng TMCổ phần Quân đội - CN Thăng Long Công ty Chứng khoán An Bình	1.079.507	1.079.287
Ngân hàng TMCổ phần Công thương Việt Nam - CN TP HCM	-	1.886.339
Ngân hàng TMCổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM	101.119.876	122.333.304
Tiền gửi USD		
Ngân hàng TMCổ phần Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	5.068.328	5.093.013
Ngân hàng TMCổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM	26.141.434	26.336.156
Tiền gửi EUR		
Ngân hàng TMCổ phần Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	5.750.547	5.289.353
Ngân hàng TMCổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM	2.143.590	2.679.769
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	4.050.000.000	4.400.000.000
Tiền gửi VND		
Ngân hàng TMCổ phần Đầu tư và PT Việt Nam - CN Hà Nội	4.050.000.000	4.400.000.000
Tổng	5.826.066.919	6.262.536.887

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	29.174.608.226	31.319.217.665
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>25.840.076.546</i>	<i>23.573.640.922</i>
<i>CN Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh tại HN</i>	<i>5.970.164.224</i>	<i>5.233.334.183</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (Ban DA Ethanol)</i>	<i>4.682.059.000</i>	<i>4.682.059.000</i>
<i>Công ty TNHH Hương Hải Group</i>	<i>3.481.693.841</i>	<i>4.781.693.841</i>
<i>Viện NC và PT Viglacera-CN TCT Viglacera - Công ty Cổ phần</i>	<i>85.601.800</i>	<i>85.601.800</i>
<i>Công ty TNHH Tự động hóa Tiến Phát</i>	<i>250.277.668</i>	<i>1.404.377.668</i>
<i>Công ty Cổ phần xây dựng Minh Anh</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>	<i>335.357.863</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH giấy Xuân Mai</i>	<i>505.228.800</i>	<i>-</i>
<i>Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng (IDI)</i>	<i>1.014.102.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH tập đoàn Sơn Hải</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>8.065.591.350</i>	<i>7.386.574.430</i>
Trung tâm Chuyển giao Công nghệ	3.334.531.680	3.869.086.680
<i>CTCổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên</i>	<i>1.696.000.000</i>	<i>1.696.000.000</i>
<i>CTCổ phần Xây dựng Cẩm Phả</i>	<i>392.000.000</i>	<i>392.000.000</i>
<i>CTCổ phần Đầu tư và Xây dựng 546</i>	<i>418.000.000</i>	<i>418.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng Hưng Phụng</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>328.531.680</i>	<i>863.086.680</i>
Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp	-	3.876.490.063
<i>Công ty Cổ phần xây dựng Minh Anh</i>	<i>-</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>	<i>-</i>	<i>335.357.863</i>
<i>Công ty TNHH giấy Xuân Mai</i>	<i>-</i>	<i>505.228.800</i>
<i>Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng (IDI)</i>	<i>-</i>	<i>1.014.102.000</i>
<i>Công ty TNHH tập đoàn Sơn Hải</i>	<i>-</i>	<i>1.150.000.000</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>-</i>	<i>571.801.400</i>
<i>Trong đó Phải thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>		
Tổng	29.174.608.226	31.319.217.665

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán	5.513.289.142	2.129.701.626
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>5.513.289.142</i>	<i>2.129.701.626</i>
Công ty Cổ phần TM và khai thác KS Dương Hiếu - Chi nhánh Hà Nội	324.717.960	324.717.960
Schenck Process Europe GmbH	2.174.280.597	-
Qingdao Co_Nele Machinery Co.,Ltd	568.890.000	-
Công ty TNHH chế tạo máy và TBCN CIE2	144.563.496	144.563.496
Công ty TNHH Cơ khí Bắc Đô	236.500.000	236.500.000
Công ty TNHH MTV Cao su 75 (Nhà máy cao su 75)	1.661.498.500	1.258.464.800
Các khách hàng khác	402.838.589	165.455.370
<i>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trong đó Trả trước các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>		
Tổng	5.513.289.142	2.129.701.626

5.4 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	54.492.174	-	317.456.474	-
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>49.193.007</i>	<i>-</i>	<i>259.201.417</i>	<i>-</i>
- Tạm ứng	5.900.000	-	44.000.000	-
- Phải thu khác	43.293.007	-	215.201.417	-
<i>Công ty TNHH Cơ điện tử IMI</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>192.243.374</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần TM Kim hoa</i>	<i>19.804.124</i>	<i>-</i>	<i>851.804</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN</i>	<i>3.583.333</i>	<i>-</i>	<i>2.388.889</i>	<i>-</i>
<i>- CN Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>19.905.550</i>	<i>-</i>	<i>19.717.350</i>	<i>-</i>
<i>Trung tâm chuyển giao công nghệ</i>	<i>5.299.167</i>	<i>-</i>	<i>58.255.057</i>	<i>-</i>
- Tạm ứng	4.220.000	-	13.519.940	-
- Phải thu khác	1.079.167	-	44.735.117	-
Dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>				
Tổng	54.492.174	-	317.456.474	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>15.067.140.121</i>	-	<i>18.166.193.305</i>	-
Nguyên liệu, vật liệu	867.025.761	-	867.025.761	-
Chi phí SX KDDD	14.200.114.360	-	17.299.167.544	-
<i>Trung tâm chuyển giao công nghệ</i>	<i>1.245.352.759</i>	-	<i>1.369.885.191</i>	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Chi phí SX KDDD	1.245.352.759	-	1.369.885.191	-
Tổng	16.312.492.880	-	19.536.078.496	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Máy móc thiết bị phòng thí nghiệm	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	33.617.227.773	531.416.308	3.162.509.758	709.932.543	20.954.850.120	58.975.936.502
Tăng trong năm	-	-	-	62.700.000	-	62.700.000
Mua trong năm	-	-	-	62.700.000	-	62.700.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	33.617.227.773	531.416.308	3.162.509.758	772.632.543	20.954.850.120	59.038.636.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	26.421.718.855	531.416.308	1.914.689.222	457.207.235	20.954.849.601	50.279.881.221
Tăng trong năm	431.140.032	-	382.375.304	51.731.373	519	865.247.228
Khấu hao trong năm	431.140.032	-	382.375.304	51.731.373	519	865.247.228
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	26.852.858.887	531.416.308	2.297.064.526	508.938.608	20.954.850.120	51.145.128.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	7.195.508.918	-	1.247.820.536	252.725.308	519	8.696.055.281
Tại 31/12/2020	6.764.368.886	-	865.445.232	263.693.935	-	7.893.508.053

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2020 là 23.474.035.729 đồng (Tại thời điểm 01/01/2020 là 17.346.009.534 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	1.761.104.441	1.761.104.441
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>1.761.104.441</u>	<u>1.761.104.441</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	1.761.104.441	1.761.104.441
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>1.761.104.441</u>	<u>1.761.104.441</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	-	-
Tại 31/12/2020	<u>-</u>	<u>-</u>

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	1.212.362.830	871.728.857
Chi phí công cụ, dụng cụ	515.820.669	99.619.805
Chi phí chờ phân bổ	696.542.161	772.109.052
Tổng	<u>1.212.362.830</u>	<u>871.728.857</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.9 Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Vốn nắm giữ</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào Công ty con						
- Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	100%	100%	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	100%	100%	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
- Công ty Cổ phần 3B	20%		3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	15%	15,0%	2.523.100.895	-	2.523.100.895	-
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp (CIE)	3,25%	3,3%	2.523.100.895	-	2.523.100.895	-
- Công ty CP Công nghệ Cao	4,30%	4,3%	6.696.505.660	-	6.696.505.660	-
- Công ty CP Hệ thống quốc tế IMI	1,38%	1,4%	555.981.402	-	555.981.402	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư	16,3%	16,3%	1.608.265.622	-	1.608.265.622	-
			666.214.366	-	666.214.366	-
			25.144.020	-	25.144.020	-
			3.840.900.250	-	3.840.900.250	-
Tổng			14.719.606.555	(*)	14.719.606.555	(*)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/TH

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	12.800.158.356	12.800.158.356	16.300.492.554	16.300.492.554
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>10.931.822.106</i>	<i>10.931.822.106</i>	<i>10.451.306.981</i>	<i>10.451.306.981</i>
Công ty CP TM Kỹ thuật Hải Anh	3.659.244.800	3.659.244.800	3.659.244.800	3.659.244.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và TBCN CIE	2.962.109.000	2.962.109.000	2.723.938.000	2.723.938.000
Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy LILAMA	1.028.736.070	1.028.736.070	1.028.736.070	1.028.736.070
Các đối tượng khác	3.281.732.236	3.281.732.236	3.039.388.111	3.039.388.111
<i>Trung tâm chuyển giao công nghệ</i>	<i>1.868.336.250</i>	<i>1.868.336.250</i>	<i>3.906.326.130</i>	<i>3.906.326.130</i>
Công ty CP xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1	1.768.581.250	1.768.581.250	1.768.581.250	1.768.581.250
Công ty TNHH Chế tạo máy Phú Minh	-	-	759.781.440	759.781.440
Công ty TNHH SX thiết bị cơ điện tử IMI	97.900.000	97.900.000	1.377.963.440	1.377.963.440
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	1.855.000	1.855.000	-	-
<i>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.942.859.443</i>	<i>1.942.859.443</i>
Công ty CP tập đoàn xây dựng và thiết bị công nghiệp	-	-	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao	-	-	564.455.371	564.455.371
Công ty TNHH cơ điện tử IMI	-	-	1.078.404.072	1.078.404.072
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>				
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	12.800.158.356	12.800.158.356	16.300.492.554	16.300.492.554

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/TH

5.11 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	5.821.414.226	2.298.489.000
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>5.121.414.226</i>	<i>1.298.489.000</i>
Chi nhánh Công ty TNHH Duyên Hà - NMXM Duyên Hà	2.678.940.000	892.650.000
Công ty Cổ phần xây dựng 47	-	199.727.000
Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	1.740.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Cơ điện tử IMI	574.582.226	-
Các khách hàng khác	127.892.000	206.112.000
Trung tâm Chuyển giao Công nghệ	700.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần bê tông khí Viglacera	-	150.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Sico	-	150.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và XNK Quảng Ninh	700.000.000	700.000.000
Các khách hàng khác	-	-
Dài hạn	-	-
<i>Trong đó Người mua ứng trước các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1 - Thuyết minh Báo cáo tài</i>		
Tổng	5.821.414.226	2.298.489.000

5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	1.086.550.604	5.624.054.975	6.439.227.374	271.378.205
Thuế giá trị gia tăng	388.375.496	1.571.848.021	1.776.869.091	183.354.426
Thuế XNK	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.778.284	100.714.929	228.778.284	77.714.929
Thuế thu nhập cá nhân	17.750.450	124.129.044	131.570.644	10.308.850
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.822.362.981	3.822.362.981	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	474.646.374	-	474.646.374	-
Phải thu	39.823.978	406.235.538	366.411.560	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	14.783.985	367.577.282	352.793.297	-
Thuế XNK	7.039.993	20.658.256	13.618.263	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18.000.000	18.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/TH

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	91.444.071	77.016.597
Chi phí phải trả khác	91.444.071	77.016.597
Dài hạn	-	-
Tổng	91.444.071	77.016.597

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	1.043.165.090	3.193.443.335
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.043.165.090	3.193.443.335
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>1.038.604.525</i>	<i>3.189.943.335</i>
<i>Trung tâm Cơ khí chính xác và máy CNC</i>	<i>161.444.281</i>	<i>8.272.281</i>
<i>Trung tâm thiết bị công nghiệp</i>	<i>2.500.000</i>	<i>159.317.144</i>
<i>Trung tâm phát triển kỹ thuật và thiết bị</i>	<i>214.128.160</i>	<i>187.932.702</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	-	<i>2.270.632.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>660.532.084</i>	<i>563.789.208</i>
<i>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ</i>	<i>4.560.565</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>4.560.565</i>	-
<i>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</i>	-	<i>3.500.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	-	<i>3.500.000</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	1.043.165.090	3.193.443.335

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/TH

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	37.509.753.038	1.216.867.324	2.007.704.618	40.734.324.980
Lãi trong năm	-	-	517.984.494	517.984.494
Chia cổ tức năm 2017, 2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019	-	-	(2.275.000.000)	(2.275.000.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(215.000.000)	(215.000.000)
Số dư tại 31/12/2019	37.509.753.038	1.216.867.324	35.689.112	38.762.309.474
Số dư tại 01/01/2020	37.509.753.038	1.216.867.324	35.689.112	38.762.309.474
Lãi trong năm nay	-	-	861.879.377	861.879.377
Số dư tại 31/12/2020	37.509.753.038	1.216.867.324	897.568.489	39.624.188.851

Đơn vị tính: VND

(*): Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh là 65.000.000.000 đồng. Vốn góp thực tế tại thời điểm 31/12/2020 là 37.509.753.038 đồng, chênh lệch thiếu số tiền là 27.490.246.962 đồng. Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-BCT ngày 18/5/2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Viện máy và dụng cụ công nghiệp, phần vốn nhà nước trong cơ cấu vốn điều lệ của Công ty hiện thiếu hụt số tiền: 27.490.246.962 đồng. Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 14855/BTC-TCĐN ngày 02/11/2017; Báo cáo kết quả thực hiện của Công ty theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 11926A/BCT-TC ngày 19/12/2017 và việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, Bộ Công Thương đã có Công văn số 5012/BCT-TC ngày 25/6/2018 báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính xem xét hoàn trả Công ty số tiền 25.519.488.471 đồng mà Công ty đã chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại SCIC (Quỹ), theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 5 Thông tư 184/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Ngày 24/01/2019, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1150/BTC-TCĐN về xử lý tồn tại phần vốn nhà nước tại Công ty, trong đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý. Theo đó, ngày 18/12/2019, Công ty đã có Văn bản gửi Bộ Công Thương số 373/MI-TCKT ngày 18/12/2019 về việc xử lý tồn tại phần vốn nhà nước thiếu trong cơ cấu vốn điều lệ của Công ty, trong đó, Công ty đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thống nhất với Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh lại quy mô vốn điều lệ của Công ty, trên cơ sở điều chỉnh giảm giá trị phần vốn nhà nước trong cơ cấu vốn điều lệ Công ty, số tiền: 27.490.246.962 đồng (trong tổng số 48,7 tỷ đồng vốn nhà nước góp tại Công ty). Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa có Văn bản trả lời của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đề nghị điều chỉnh này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/TH

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn Nhà nước	21.255.903.038	21.255.903.038
Vốn góp của các cổ đông có tư cách pháp nhân	13.757.850.000	13.757.850.000
Vốn góp của các cá nhân khác	2.496.000.000	2.496.000.000
Tổng	37.509.753.038	37.509.753.038

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	37.509.753.038	37.509.753.038
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	37.509.753.038	37.509.753.038
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.490.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.750.975	3.750.975
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.750.975	3.750.975
Cổ phiếu phổ thông	3.750.975	3.750.975
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.750.975	3.750.975
Cổ phiếu phổ thông	3.750.975	3.750.975
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/TH

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	16.086.541.785	42.199.248.472
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.399.111.220	12.778.214.679
Tổng	28.485.653.005	54.977.463.151
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	63.767.822	-
Tổng	63.767.822	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	16.022.773.963	42.199.248.472
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.399.111.220	12.778.214.679
Tổng	28.421.885.183	54.977.463.151

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng	15.491.440.194	40.004.697.373
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.377.725.280	6.777.342.400
Tổng	19.869.165.474	46.782.039.773

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	135.752.510	192.971.535
Cổ tức, lợi nhuận được chia	316.608.000	130.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.583.333	-
Tổng	455.943.843	323.331.535

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.502.856	8.146.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	331.047	330.689
Cổ tức, lợi nhuận được chia giảm	-	162.950.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.813.547	-
Tổng	3.647.450	171.427.237

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/TH

5.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí bán hàng	-	198.500.000
Chi phí bảo hành	-	198.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.104.868.692	8.154.565.000
Chi phí nhân viên quản lý	4.950.917.062	4.122.867.421
Chi phí đồ dùng văn phòng	172.124.450	184.839.755
Chi phí khấu hao TSCĐ	481.792.704	932.151.046
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	13.398.600
Chi phí dự phòng	468.707.863	1.430.691.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.325.564.967	1.315.042.861
Chi phí bằng tiền khác	960.761.646	270.646.817
Trích quỹ lương dự phòng	-	170.000.000
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(260.000.000)	(285.072.500)
		-
Tổng	8.104.868.692	8.353.065.000

5.21 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	-	1.181.818.182
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	87.256.130	750.518.662
Thu nhập xử lý công nợ	190.768	131.690
Thu nhập khác	-	954.594
Thu nhập từ các khoản tiền phạt	-	82.961.624
Tổng	87.446.898	2.016.384.752
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	-	69.619.107
Chi phí khác	-	6.749.501
Chi phí xử lý chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	513.100.577
Chi phí phạt hợp đồng	25.000.002	-
Chi phí phạt thuế	-	597.415.465
Tổng	25.000.002	1.186.884.650
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	62.446.896	829.500.102

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/TH

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	962.594.306	823.762.778
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	73.406.047	835.488.642
<i>Thù lao HDQT không trực tiếp</i>	71.075.000	71.712.000
<i>Tiền cổ tức được chia giảm</i>		162.950.000
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện khoản mục tiền gửi ngân hàng</i>	331.047	-
<i>Chi phí khác không được trừ</i>	2.000.000	2.000.000
<i>Phạt chậm nộp thuế, tiền thuê đất</i>	-	598.826.642
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	316.608.000	130.360.000
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	316.608.000	130.360.000
Thu nhập chịu thuế	719.392.353	1.528.891.420
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020	43.163.542	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	100.714.929	305.778.284

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.978.097.103	45.756.960.855
Chi phí nhân công	6.528.112.194	9.439.371.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	481.792.704	2.289.513.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.508.427.504	8.738.904.120
Chi phí khác bằng tiền	3.238.857.494	3.152.174.247
Chi phí trích quỹ dự phòng	468.707.863	1.053.096.116
Chi phí trích quỹ lương dự phòng	-	170.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(260.000.000)	(285.072.500)
Tổng	25.943.994.862	70.314.947.952

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
HĐQT và BKS	Thù lao	236.000.000	239.004.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	1.410.424.000	1.477.508.400

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu khác			
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	Công ty con	-	192.243.374
Người mua ứng tiền trước			
Công ty TNHH Sản thiết bị Cơ điện tử IMI (IMEP)	Công ty con	574.582.226	-
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Sản thiết bị Cơ điện tử IMI (IMEP)	Công ty con	97.900.000	1.379.437.888
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	Công ty con	706.515.698	-

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Công ty TNHH Sản thiết bị Cơ điện tử IMI (IMEP) - Công ty con	Sử dụng dịch vụ tiền điện, nước	361.069.843	306.952.158
	Mua hàng	397.865.760	11.585.393.078
	Bán hàng	2.239.175.000	-
	Cổ tức	30.000.000	-

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập



Lê Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Lê Thúy Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Minh